BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 1459 /QĐ–TĐHTPHCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;"

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số cho người học;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 5955/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 762/QĐ-TĐHTPHCM ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo, Viện Nghiên cứu phát triển bền vững, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các Khoa và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- PHT Vũ Xuân Cường (để biết);
- Lưu: VT, KT&BĐCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Hoàng Nghiêm

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUY ĐỊNH
Về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1459/QĐ-TĐHTPHCM ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, thẩm định, ban hành, công bố, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến và quản lý chuẩn đầu ra chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quy định này là căn cứ để các đơn vị xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến chuẩn đầu ra chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

2. Viên chức, người lao động, giảng viên và các cá nhân tham gia xây dựng, quản lý, giảng dạy, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo.

3. Người học các trình độ của giáo dục đại học tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mục tiêu chương trình đào tạo (Programme Educational Objectives - PEOs): là những tuyên bố mô tả mục tiêu đào tạo, phản ánh năng lực nghề nghiệp, phẩm chất và thành tựu mà người học được kỳ vọng đạt được sau một thời gian tốt nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Programme Learning Outcomes - PLOs): là những yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học phải đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo; là căn cứ pháp lý để xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng trình độ tương ứng theo quy định tại Điều 2 Khoản 1 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs): là những yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm mà người học phải đạt được sau khi hoàn thành một học phần; là cơ sở để đánh giá kết quả học tập và góp phần đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs).

4. Các bên liên quan (Stakeholders): là các tổ chức, cá nhân có mối quan hệ hoặc chịu tác động trực tiếp, gián tiếp từ chương trình đào tạo, bao gồm: người học, cựu người học, giảng viên, viên chức quản lý, người sử dụng lao động, cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Rà soát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: là quá trình xem xét, đánh giá tính phù hợp, tính cập nhật và mức độ đáp ứng của chuẩn đầu ra đối với mục tiêu chương trình đào tạo, yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, quy định của pháp luật, yêu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan.

6. Điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: là việc sửa đổi, bổ sung hoặc cập nhật chuẩn đầu ra trên cơ sở kết quả rà soát, kết quả đánh giá chương trình đào tạo, yêu cầu của các bên liên quan hoặc khi có sự thay đổi về quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Nhà trường.

7. Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: là quá trình thu thập, phân tích và sử dụng các minh chứng nhằm xác định mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, làm cơ sở để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng chuẩn đầu ra

1. Việc xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phải tuân thủ quy định của pháp luật về giáo dục đại học và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Bảo đảm phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển của Trường và định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực đào tạo.

3. Bảo đảm tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực người học, lấy người học làm trung tâm và đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với từng trình độ đào tạo.

4. Việc xây dựng chuẩn đầu ra phải có sự tham gia, tham vấn các bên liên quan, bảo đảm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển của xã hội.

5. Chuẩn đầu ra được xây dựng và quản lý theo nguyên tắc cải tiến chất lượng liên tục trên cơ sở kết quả đánh giá, phản hồi của các bên liên quan và yêu cầu phát triển của khoa học, công nghệ.

Điều 5. Mục đích xây dựng chuẩn đầu ra

1. Làm căn cứ để xây dựng, tổ chức thực hiện, rà soát, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo.

2. Làm cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra học phần, thiết kế nội dung chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá người học.

3. Công khai cam kết của Nhà trường về chất lượng đào tạo đối với người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

4. Làm căn cứ cho công tác bảo đảm chất lượng, đánh giá, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo.

CHƯƠNG II
CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 6. Cấu trúc chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo gồm các nội dung sau:

a) Thông tin tổng quát: tên chương trình đào tạo (tiếng Việt), tên chương trình đào tạo (tiếng Anh), trình độ đào tạo, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo và văn bằng tốt nghiệp;

b) Mục tiêu chương trình đào tạo (Programme Educational Objectives - PEOs);

c) Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Programme Learning Outcomes - PLOs);

d) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp;

đ) Khả năng học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp;

e) Căn cứ xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, bao gồm:

- Quy định của pháp luật;
- Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có);
- Chuẩn nghề nghiệp (nếu có);
- Kết quả khảo sát các bên liên quan;
- Kết quả đối sánh chương trình đào tạo;
- Các tài liệu chuyên môn có liên quan.

2. Nội dung mục tiêu chương trình đào tạo (PEOs), chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) và các ma trận đối sánh được quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này và các Phụ lục ban hành kèm theo.

3. Mẫu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 7. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Mục tiêu chương trình đào tạo

a) Mục tiêu chương trình đào tạo phải:

- Phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển của Trường;

- Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật;

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan;

- Là cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và phát triển chương trình đào tạo.

b) Mục tiêu chương trình đào tạo bao gồm:

- Mục tiêu chung;

- Các mục tiêu cụ thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

a) Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Programme Learning Outcomes - PLOs) là những yêu cầu về kết quả học tập và năng lực mà người học cần đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo.

b) Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện trên các phương diện kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm và được cụ thể hóa phù hợp với mục tiêu, trình độ, ngành hoặc lĩnh vực đào tạo.

c) Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

- Là cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs);

- Là căn cứ để thiết kế chương trình đào tạo và tổ chức các hoạt động dạy học, học tập;

- Là cơ sở để xây dựng phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học;

- Là căn cứ để rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo;

Điều 8. Yêu cầu đối với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Xác định rõ bậc trình độ cụ thể của chương trình đào tạo, đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở bậc trình độ tương ứng.

2. Thể hiện các yêu cầu về năng lực cần thiết để người học học tập, làm việc và phát triển nghề nghiệp phù hợp với mục tiêu của trình độ đào tạo và các yêu cầu sau:

a) Đối với trình độ đại học phải có yêu cầu về năng lực số, nội dung về trí tuệ nhân tạo (AI), năng lực ngoại ngữ, khả năng thích ứng và học tập suốt đời;

b) Đối với trình độ thạc sĩ phải có yêu cầu về năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển tri thức;

c) Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ phải có yêu cầu về năng lực nghiên cứu độc lập; đề xuất công nghệ hoặc giải pháp mới; sản phẩm công bố khoa học hoặc sản phẩm ứng dụng kết quả nghiên cứu; hướng dẫn nghiên cứu khoa học, đổi mới sang tạo;

d) Các yêu cầu cụ thể đối với chuẩn đầu ra được quy định trong chuẩn chương trình đào tạo của ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Được cụ thể hóa thành các yêu cầu có thể quan sát, đánh giá và đo lường được, làm căn cứ thiết kế, thực hiện, kiểm tra, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; xét công nhận kết quả học tập và cấp văn bằng.

4. Bảo đảm khả năng liên thông giữa các trình độ đào tạo, công nhận kết quả học tập và học tập suốt đời trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Có tính khả thi, phù hợp với khối lượng học tập, thời gian đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở đào tạo; tạo điều kiện để phần lớn người học đáp ứng yêu cầu đầu vào có thể hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian đào tạo tiêu chuẩn.

6. Mô tả các bậc trình độ và khối lượng học tập tối thiểu trong khung trình độ quốc gia Việt Nam.

a) Đối với chương trình đào tạo đại học, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 6.

b) Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 7.

c) Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ được xếp bậc 8.

Mô tả như sau:

Bậc trình độ	**Kiến thức**	**Kỹ năng**	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân**	**Khối lượng học tập tối thiểu**
6	Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết hệ thống, toàn diện về một lĩnh vực học thuật hoặc nghề nghiệp; nắm vững các nguyên lý khoa học và phương pháp nghiên cứu; hiểu bối cảnh liên ngành và tác động của khoa	Tư duy phản biện; phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề phức tạp; đề xuất, triển khai giải pháp mới và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong học thuật hoặc thực tiễn nghề nghiệp; sử dụng hiệu quả ngoại ngữ trong công việc; sử	Làm việc độc lập ở mức độ cao; chịu trách nhiệm nghề nghiệp đối với kết quả công việc; chủ động thích ứng với sự thay đổi của khoa học, công nghệ và thị trường lao	120 tín chỉ.

	học, công nghệ đối với lĩnh vực chuyên môn. .	dụng thành thạo công cụ số, dữ liệu và các công nghệ mới bao gồm cả AI phù hợp với lĩnh vực chuyên môn; có khả năng khởi xướng các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp phù hợp với lĩnh vực đào tạo.	động; tham gia quản lý, điều phối và đánh giá hoạt động chuyên môn; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tinh thần khởi nghiệp.	
7	Có kiến thức nâng cao và chuyên sâu ở trình độ cao về một lĩnh vực; nắm vững các phương pháp nghiên cứu và phân tích nâng cao; hiểu sâu về tác động của khoa học, công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng mở rộng, phát triển và tích hợp tri thức trong định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề phức tạp; phát triển tri thức mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu hoặc ứng dụng; giao tiếp thành thạo bằng ngoại ngữ; sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu và công cụ phân tích dữ liệu, bao gồm cả AI.	Làm việc độc lập ở mức độ cao; dẫn dắt hoạt động chuyên môn hoặc nghiên cứu; chịu trách nhiệm về định hướng chuyên môn và kết quả của nhóm hoặc dự án.	(1) Chương trình đào tạo có đầu vào trình độ đại học: 60 tín chỉ đối với định hướng nghiên cứu và 45 tín chỉ đối với định hướng ứng dụng. (2) Chương trình đào tạo có đầu vào tốt nghiệp trung học phổ thông: - 162 tín chỉ đối với định hướng nghiên cứu, bao gồm cả chương trình tích hợp cấp bằng thạc sĩ; - 150 tín chỉ đối với định hướng ứng dụng, bao gồm cả chương trình chuyên sâu trong một số ngành, lĩnh vực.

8	Có kiến thức ở trình độ cao, mang tính tiên phong và chuyên sâu; nắm vững hệ thống lý thuyết và phương pháp nghiên cứu hiện đại; sáng tạo ra tri thức mới, công nghệ mới hoặc đóng góp quan trọng cho sự phát triển của khoa học, công nghệ và thực tiễn.	Nghiên cứu độc lập ở trình độ cao; phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; sáng tạo tri thức mới và dẫn dắt hoạt động nghiên cứu hoặc đổi mới sáng tạo; năng lực sử dụng ngoại ngữ thành thạo, khai thác hiệu quả các công cụ AI chuyên sâu trong nghiên cứu, học tập, nghề nghiệp.	Có mức độ tự chủ và trách nhiệm cao nhất trong hoạt động học thuật hoặc chuyên môn; định hướng chiến lược phát triển lĩnh vực nghiên cứu hoặc nghề nghiệp; đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia.	1) 90 tín chỉ đối với đầu vào trình độ bậc 7. (2) 135 tín chỉ đối với đầu vào trình độ bậc 6.

Lưu ý: *Việc xác định bậc trình độ và khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo được thực hiện theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, căn cứ vào trình độ đầu vào, định hướng đào tạo và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình.*

CHƯƠNG III
XÂY DỰNG, RÀ SOÁT, CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 9. Các trường hợp xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được xây dựng trong các trường hợp sau:

a) Xây dựng chương trình đào tạo mới;

b) Mở ngành hoặc mở chương trình đào tạo;

c) Các trường hợp khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc của Nhà trường.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật hoặc điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Rà soát định kỳ chương trình đào tạo theo kế hoạch của Nhà trường;

b) Điều chỉnh chương trình đào tạo;

c) Có thay đổi của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các quy định pháp luật có liên quan;

d) Có thay đổi về yêu cầu của ngành, lĩnh vực đào tạo, thị trường lao động hoặc kết quả khảo sát các bên liên quan;

đ) Các trường hợp cần thiết khác theo yêu cầu của Nhà trường.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sau khi được xây dựng, rà soát, cập nhật hoặc điều chỉnh phải được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua và Hiệu trưởng ban hành trước khi đưa vào áp dụng.

Điều 10. Hồ sơ và biểu mẫu xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra

1. Quy trình xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh và ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thực hiện theo quy trình xây dựng, rà soát chương trình đào tạo của Nhà trường.

2. Hồ sơ xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bao gồm các tài liệu, ma trận và biểu mẫu quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Hồ sơ xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được lưu trữ tại khoa quản lý chương trình đào tạo

4. Việc xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thực hiện theo các tài liệu sau:

a) Hướng dẫn xây dựng và diễn đạt chuẩn đầu ra tại Phụ lục I;

b) Mẫu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tại Phụ lục II;

c) Biểu mẫu xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tại Phụ lục III.

CHƯƠNG IV
ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHUẨN ĐẦU RA VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Điều 11. Đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Việc đánh giá thực hiện chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thực hiện nhằm xác định mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học, đánh giá mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu chương trình đào tạo và yêu cầu của các bên liên quan, làm căn cứ để rà soát, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

Kết quả đánh giá mức độ đạt CĐR của người học phải được số hóa, lưu trữ minh chứng điện tử phục vụ công tác hậu kiểm, đối sánh và cập nhật dữ liệu tốt nghiệp

2. Việc đánh giá được thực hiện định kỳ theo kế hoạch bảo đảm chất lượng của Nhà trường hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục hoặc yêu cầu cải tiến chương trình đào tạo.

3. Nội dung đánh giá bao gồm:

a) Mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học;

b) Mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu chương trình đào tạo;

c) Mức độ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan;

d) Mức độ thống nhất giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra học phần và hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá;

đ) Hiệu quả triển khai thực hiện chuẩn đầu ra trong quá trình đào tạo.

Điều 12. Phương thức đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra

1. Việc đánh giá chuẩn đầu ra được thực hiện thông qua một hoặc kết hợp các phương thức sau:

a) Đánh giá trực tiếp thông qua kết quả học tập của người học, khóa luận tốt nghiệp, đồ án, thực tập, bài thi tốt nghiệp hoặc các hình thức đánh giá khác theo quy định của chương trình đào tạo;

b) Đánh giá gián tiếp thông qua khảo sát người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, giảng viên và các bên liên quan;

c) Phân tích dữ liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp, kết quả khảo sát mức độ hài lòng và các thông tin phản hồi khác;

d) Kết quả đánh giá chương trình đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục và các hoạt động bảo đảm chất lượng khác.

2. Việc đánh giá phải bảo đảm khách quan, trung thực, có minh chứng và được lưu trữ theo quy định của Nhà trường.

Điều 13. Sử dụng kết quả đánh giá

1. Kết quả đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra là căn cứ để:

a) Rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

b) Rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo;

c) Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và đề cương học phần;

d) Điều chỉnh phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá;

đ) Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo;

e) Phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công khai chất lượng đào tạo.

2. Kết quả đánh giá được tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng và các đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng.

Điều 14. Cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra

1. Cải tiến chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện theo nguyên tắc cải tiến liên tục trên cơ sở kết quả đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra, kết quả khảo sát các bên liên quan, kết quả kiểm định chất lượng và yêu cầu phát triển của ngành, nghề đào tạo.

2. Nội dung cải tiến có thể bao gồm:

a) Mục tiêu chương trình đào tạo;

b) Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

c) Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo;

d) Chuẩn đầu ra học phần và đề cương học phần;

đ) Phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá;

e) Đội ngũ giảng viên;

g) Cơ sở vật chất, học liệu và các điều kiện bảo đảm chất lượng khác.

3. Các đơn vị có liên quan có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Kết quả thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng là căn cứ cho các đợt rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra trong chu kỳ tiếp theo.

CHƯƠNG V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN

Điều 15. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Chỉ đạo việc xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, ban hành và tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

2. Chỉ đạo các đơn vị thuộc Trường tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuẩn đầu ra; bảo đảm các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện có hiệu quả.

3. Chỉ đạo việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học; sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

Điều 16. Trách nhiệm của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

1. Tham mưu Hiệu trưởng xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

2. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các quy trình, hướng dẫn, biểu mẫu liên quan đến xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

3. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo các quy định, hướng dẫn và biểu mẫu của Nhà trường.

4. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục liên quan đến chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Phối hợp số hóa dữ liệu kết quả đo lường đạt CĐR của sinh viên từng khóa học.

Điều 17. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo, Viện Nghiên cứu phát triển bền vững

1. Phối hợp với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trong việc xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh và triển khai thực hiện chuẩn đầu ra.

2. Hướng dẫn các khoa xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương học phần phù hợp với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

3. Tổ chức quản lý hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra đã được ban hành; phối hợp kiểm tra việc thực hiện chuẩn đầu ra trong quá trình đào tạo.

4. Phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá hiệu quả triển khai chuẩn đầu ra và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Chịu trách nhiệm quản lý kết quả học tập của người học; phối hợp với các Khoa xác định danh sách người học đạt chuẩn đầu ra, đủ điều kiện tốt nghiệp; chủ trì thực hiện việc cập nhật và đồng bộ dữ liệu người học đạt chuẩn đầu ra tốt nghiệp lên hệ thống Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ theo đúng lộ trình chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT.

Điều 18. Trách nhiệm của khoa quản lý chương trình đào tạo

1. Chủ trì xây dựng, rà soát, cập nhật và đề xuất điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

2. Tổ chức khảo sát, đối sánh, thu thập ý kiến của các bên liên quan; xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Tổ chức họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa để xem xét, thông qua dự thảo chuẩn đầu ra trước khi trình cấp có thẩm quyền.

4. Triển khai chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra học phần, đề cương học phần và hoạt động giảng dạy.

5. Khoa có trách nhiệm công khai chuẩn đầu ra trên website của đơn vị và cung cấp cho người học theo quy định của Nhà trường.

6. Định kỳ đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học; đề xuất các giải pháp cải tiến chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

7. Quản lý, lưu trữ hồ sơ xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của giảng viên

1. Thực hiện giảng dạy, hướng dẫn học tập và đánh giá người học theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần.

2. Tham gia xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần theo phân công.

3. Cập nhật đề cương học phần, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm bảo đảm người học đạt chuẩn đầu ra.

4. Tham gia đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học; phản hồi và đề xuất các giải pháp cải tiến chương trình đào tạo.

Điều 20. Trách nhiệm của người học

1. Chủ động tìm hiểu và thực hiện các yêu cầu của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

2. Thực hiện đầy đủ kế hoạch học tập, nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập và các hoạt động học tập khác nhằm đạt chuẩn đầu ra theo quy định.

3. Chủ động rèn luyện phẩm chất, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các năng lực khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

4. Tham gia đầy đủ các hoạt động khảo sát, đánh giá và phản hồi về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra theo yêu cầu của Nhà trường.

Điều 21. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo, Viện nghiên cứu phát triển bền vững và các khoa trong việc xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, triển khai thực hiện, đánh giá và cải tiến chuẩn đầu ra theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Doanh nghiệp, cơ quan sử dụng lao động, cựu người học, chuyên gia, hiệp hội nghề nghiệp và các bên liên quan phối hợp với Nhà trường trong việc góp ý, phản biện, khảo sát, đánh giá và đề xuất cải tiến chuẩn đầu ra, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành nghề và nhu cầu của xã hội.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của Nhà trường về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và phối hợp trong quá trình triển khai, đánh giá, cải tiến chất lượng đào tạo.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

2. Trưởng các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

4. Các phụ lục và biểu mẫu ban hành kèm theo Quy định này là bộ phận không tách rời của Quy định; được áp dụng thống nhất trong công tác xây dựng, rà soát, điều

chỉnh, ban hành và đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định ban hành có hiệu lực.

2. Các quy định trước đây của Trường trái với Quy định này đều bãi bỏ.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng sau khi lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan (nếu cần).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Hoàng Nghiêm

PHỤ LỤC

Phụ lục I: Hướng dẫn xây dựng và diễn đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo Bloom

Phụ lục II: Mẫu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phụ lục III: Danh mục biểu mẫu phục vụ xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra

STT	Mã biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Đơn vị/ cá nhân chủ trì	Thời điểm/ Trình tự sử dụng
1	BM-CĐR-01	Kế hoạch xây dựng, rà soát, cập nhật hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT	Khoa	Lập trước khi triển khai thực hiện các công việc xây dựng/rà soát CĐR.
2	BM-CĐR-02	Phiếu lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra CTĐT	Khoa	Phát khảo sát Doanh nghiệp, Giảng viên, Sinh viên, Cựu sinh viên... sau khi có dự thảo ban đầu.
3	BM-CĐR-03	Báo cáo khảo sát, đối sánh và phân tích căn cứ xây dựng chuẩn đầu ra	Khoa	Tổng hợp, xử lý số liệu thu hồi từ Phiếu BM-02 và phân tích đối sánh với các trường bạn.
4	BM-CĐR-04	Báo cáo tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý	Khoa	Lập sau khi kết thúc đợt lấy ý kiến để tổng hợp, tiếp thu/giải trình ý kiến của các bên.
5	BM-CĐR-05	Bảng đối sánh nội dung điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT	Khoa	So sánh CĐR cũ với CĐR mới (dành cho trường hợp điều chỉnh).
6	BM-CĐR-06	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa	Khoa	Họp thông qua toàn bộ hồ sơ CĐR tại cấp Khoa sau khi đã hoàn thiện các Báo cáo 03, 04, 05.
7	BM-CĐR-07	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	Thư ký HĐKH&ĐT Trường	Họp thẩm định cấp Trường

PHỤ LỤC I

Hướng dẫn xây dựng và diễn đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1459/QĐ-TĐHTPHCM ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

Để bảo đảm chuẩn đầu ra được diễn đạt rõ ràng, thống nhất và có khả năng đánh giá, đơn vị xây dựng chương trình đào tạo lựa chọn các động từ hành động phù hợp với mức độ năng lực cần đạt. Việc lựa chọn động từ hành động được tham khảo từ các thang phân loại mục tiêu giáo dục, kết hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và định hướng xây dựng chuẩn đầu ra theo tiếp cận năng lực.

I. Mô tả các bậc trình độ và khối lượng học tập tối thiểu trong khung trình độ quốc gia Việt Nam.

a) Đối với chương trình đào tạo đại học, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 6.

b) Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 7.

c) Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ được xếp bậc 8.

Mô tả như sau:

Bậc trình độ	Kiến thức	Kỹ năng	Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân	Khối lượng học tập tối thiểu
6	Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết hệ thống, toàn diện về một lĩnh vực học thuật hoặc nghề nghiệp; nắm vững các nguyên lý khoa học và phương pháp nghiên cứu; hiểu bối cảnh liên ngành và tác động của khoa học, công nghệ đối với lĩnh vực chuyên môn.	Tư duy phản biện; phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề phức tạp; đề xuất, triển khai giải pháp mới và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong học thuật hoặc thực tiễn nghề nghiệp; sử dụng hiệu quả ngoại ngữ trong công việc; sử dụng thành thạo công cụ số, dữ liệu và các công nghệ mới bao gồm cả AI phù hợp với lĩnh	Làm việc độc lập ở mức độ cao; chịu trách nhiệm nghề nghiệp đối với kết quả công việc; chủ động thích ứng với sự thay đổi của khoa học, công nghệ và thị trường lao động; tham gia quản lý, điều phối và đánh giá hoạt động chuyên môn; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp,	120 tín chỉ.

	.	vực chuyên môn; có khả năng khởi xướng các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp phù hợp với lĩnh vực đào tạo.	trách nhiệm xã hội và tinh thần khởi nghiệp.	
7	Có kiến thức nâng cao và chuyên sâu ở trình độ cao về một lĩnh vực; nắm vững các phương pháp nghiên cứu và phân tích nâng cao; hiểu sâu về tác động của khoa học, công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng mở rộng, phát triển và tích hợp tri thức trong định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề phức tạp; phát triển tri thức mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu hoặc ứng dụng; giao tiếp thành thạo bằng ngoại ngữ; sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu và công cụ phân tích dữ liệu, bao gồm cả AI.	Làm việc độc lập ở mức độ cao; dẫn dắt hoạt động chuyên môn hoặc nghiên cứu; chịu trách nhiệm về định hướng chuyên môn và kết quả của nhóm hoặc dự án.	(1) Chương trình đào tạo có đầu vào trình độ đại học: 60 tín chỉ đối với định hướng nghiên cứu và 45 tín chỉ đối với định hướng ứng dụng. (2) Chương trình đào tạo có đầu vào tốt nghiệp trung học phổ thông: - 162 tín chỉ đối với định hướng nghiên cứu, bao gồm cả chương trình tích hợp cấp bằng thạc sĩ; - 150 tín chỉ đối với định hướng ứng dụng, bao gồm cả chương trình chuyên sâu trong một số ngành, lĩnh vực.
8	Có kiến thức ở trình độ cao, mang tính tiên phong và chuyên sâu; nắm	Nghiên cứu độc lập ở trình độ cao; phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn;	Có mức độ tự chủ và trách nhiệm cao nhất trong hoạt động học	1) 90 tín chỉ đối với đầu vào trình độ bậc 7.

	vững hệ thống lý thuyết và phương pháp nghiên cứu hiện đại; sáng tạo ra tri thức mới, công nghệ mới hoặc đóng góp quan trọng cho sự phát triển của khoa học, công nghệ và thực tiễn.	sáng tạo tri thức mới và dẫn dắt hoạt động nghiên cứu hoặc đổi mới sáng tạo; năng lực sử dụng ngoại ngữ thành thạo, khai thác hiệu quả các công cụ AI chuyên sâu trong nghiên cứu, học tập, nghề nghiệp.	thuật hoặc chuyên môn; định hướng chiến lược phát triển lĩnh vực nghiên cứu hoặc nghề nghiệp; đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia.	(2) 135 tín chỉ đối với đầu vào trình độ bậc 6.

Lưu ý: *Việc xác định bậc trình độ và khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo được thực hiện theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, căn cứ vào trình độ đầu vào, định hướng đào tạo và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình.*

II. Động từ diễn đạt chuẩn đầu ra theo các thang phân loại mục tiêu giáo dục

Các động từ diễn đạt chuẩn đầu ra được lựa chọn theo mức độ năng lực cần đạt, tham khảo các thang phân loại mục tiêu giáo dục, bao gồm thang nhận thức của Bloom được điều chỉnh bởi Anderson và Krathwohl (2001), phân loại kỹ năng vận động của Dave (1970) và phân loại lĩnh vực cảm xúc của Krathwohl và cộng sự (1964), đồng thời đối chiếu với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

a) Chuẩn đầu ra về kiến thức (K – Knowledge) - tham chiếu thang phân loại nhận thức của Bloom/Anderson và Krathwohl

Bậc	Ký hiệu mức năng lực (NL)	Mức độ	Ý nghĩa	Động từ mô tả
Bậc 1	K1	Biết/Nhớ (Know/ Remember)	**Nhớ** là khả năng ghi nhớ và nhận diện thông tin. Nhớ là cần thiết cho tất cả các mức độ tư duy, được hiểu là nhắc lại những kiến thức đã học một cách máy móc.	Liệt kê, gọi tên, nêu, trình bày, định danh, giới thiệu/chỉ ra, xác định, nhận biết, nhớ lại, đối chiếu, phân loại, mô tả, định vị, phác thảo, lấy ví dụ,...
Bậc 2	K2	Hiểu (Understand)	**Hiểu** là khả năng hiểu, dịch, diễn giải, giải thích hoặc suy diễn (dự đoán được kết quả hoặc hậu quả). Hiểu không đơn thuần là nhắc lại cái gì đó	Diễn giải, phân biệt, chứng tỏ, hình dung, trình bày lại, viết lại, lấy ví dụ, tóm tắt, giải thích, diễn dịch, mô tả, so sánh, chuyển đổi, ước lượng,...

			mà phải diễn đạt khái niệm theo ý hiểu của mình.	
Bậc 3	K3	Vận dụng (Apply)	**Vận dụng** là khả năng sử dụng thông tin và chuyển đổi kiến thức từ dạng này sang dạng khác (sử dụng những kiến thức đã học trong hoàn cảnh mới). Vận dụng là bắt đầu của mức tư duy sáng tạo tức là áp dụng những gì đã học vào đời sống hoặc một tình huống mới.	Áp dụng, phân loại, sửa đổi, đưa vào thực tế, chứng minh, ước tính, vận hành, giải quyết, minh họa, tính toán, diễn dịch, thao tác, dự đoán, bày tỏ,...
Bậc 4	K4	Phân tích (Analyze)	**Phân tích** là khả năng nhận biết chi tiết, phát hiện và phân biệt các bộ phận cấu thành của thông tin hay tình huống. Ở mức độ này đòi hỏi khả năng phân nhỏ đối tượng thành các hợp phần cấu thành để hiểu rõ hơn cấu trúc của nó.	Đối chiếu, so sánh, chỉ ra sự khác biệt, phân loại, phác thảo, liên hệ, phân tích, tổ chức, suy luận, lựa chọn, vẽ biểu đồ, phân biệt,...
Bậc 5	K5	Đánh giá (Evaluate)	**Đánh giá** là đưa ra nhận định, lựa chọn hoặc kết luận trên cơ sở tiêu chí xác định.	Phê bình, bào chữa/thanh minh, tranh luận, bổ trợ cho ý do/lập luận, kết luận, định lượng, xếp loại, đánh giá, lựa chọn, ước tính, phân xét, bảo vệ, định giá,...
Bậc 6	K6	Sáng tạo (Create)	**Sáng tạo** là kết hợp và phát triển kiến thức để hình thành sản phẩm, giải pháp hoặc ý tưởng mới.	Thiết kế, xây dựng, phát triển, đề xuất, lập kế hoạch, sáng tạo, cải tiến.

b) Chuẩn đầu ra về kỹ năng (S – Skills)- tham chiếu phân loại kỹ năng vận động của Dave

Bậc	Ký hiệu mức năng lực (NL)	Mức độ	Ý nghĩa	Động từ gợi ý
Bậc 1	S1	Bắt chước (Imitation)	Thực hiện thao tác theo mẫu, hướng dẫn hoặc quan sát người khác.	Tuân thủ, sao chép, theo dõi, bắt chước, lặp lại, tái tạo.
Bậc 2	S2	Thao tác (Manipulation)	Thực hiện được thao tác theo hướng dẫn, có khả năng vận hành trong tình huống quen thuộc.	Hành động, xây dựng, thực hiện, tái tạo.
Bậc 3	S3	Chính xác (Precision)	Thực hiện thành thạo, chính xác, ổn định, ít sai sót.	Hiệu chuẩn, hoàn thành, kiểm soát, chứng minh, thực hiện, làm chủ, hoàn hảo, hiển thị.
Bậc 4	S4	Khớp nối	Phối hợp nhiều kỹ năng thành một quy trình thống nhất	Thích ứng, kết hợp, xây dựng, phối hợp, tạo, phát triển, tích hợp, sửa đổi
Bậc 5	S5	Thao tác tự nhiên	Thực hiện kỹ năng một cách tự nhiên, sáng tạo, linh hoạt	Thiết kế, phát triển, phát minh, chỉ đạo.

c) Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm (AR- Autonomy and Responsibility) - tham chiếu phân loại lĩnh vực cảm xúc của Krathwohl và cộng sự

Bậc	Ký hiệu mức năng lực (NL)	Mức độ	Ý nghĩa	Động từ gợi ý
Bậc 1	AR1	Tiếp nhận (Receiving)	Thể hiện sự chú ý, sẵn sàng tiếp nhận và nhận biết thông tin, sự vật hoặc hiện tượng.	Chú ý, lắng nghe, quan sát, chấp nhận, đọc, ghi nhận, đặt câu hỏi, mô tả, nhận diện.

Bậc 2	AR2	Đáp ứng (Responding)	Chủ động tham gia, phản hồi hoặc thực hiện các hoạt động sau khi tiếp nhận thông tin hoặc yêu cầu.	Tuân thủ, thử, lựa chọn, tham gia, thảo luận, thực hành, phản hồi, thể hiện, hỗ trợ, trả lời, tham dự, kể lại, báo cáo.
Bậc 3	AR3	Hình thành giá trị (Valuing)	Thể hiện sự coi trọng, chấp nhận và cam kết đối với một giá trị; biểu hiện giá trị thông qua hành vi.	Chia sẻ, đề xuất, đánh giá, giữ gìn, khen ngợi, ưu tiên, quan tâm tới, khuyến khích, đóng góp, sử dụng, tương tác, khởi xướng, ủng hộ.
Bậc 4	AR4	Tổ chức (Organizing)	Hình thành hệ thống giá trị bằng cách tổng hợp, so sánh, sắp xếp và điều chỉnh các giá trị, từ đó xác lập mối quan hệ và thứ tự ưu tiên giữa chúng.	Tổng hợp, so sánh, sắp xếp, điều chỉnh, hệ thống hóa, phân loại, phân tích, liên hệ, khái quát hóa.
Bậc 5	AR5	Đặc trưng hóa (Characterizing by a value)	Hệ thống giá trị đã trở thành đặc trưng định hướng hành vi; cá nhân hành động nhất quán, chủ động và thể hiện giá trị trong nhiều tình huống.	Hành động, bảo vệ giá trị, thông cảm, thấu cảm, tư vấn, phê phán, tuyên truyền, khuyến khích, tạo ảnh hưởng, kiên trì theo đuổi, điều hành, ủng hộ.

II. Lưu ý khi lựa chọn và sử dụng động từ diễn đạt chuẩn đầu ra

Khi xây dựng và diễn đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đơn vị xây dựng chương trình đào tạo cần lưu ý các nội dung sau:

1. Sử dụng động từ hành động để mô tả rõ kết quả học tập mà người học phải đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

2. Động từ được lựa chọn phải phù hợp với mức độ năng lực cần đạt, phản ánh đúng yêu cầu của chuẩn đầu ra và bảo đảm có thể quan sát, đo lường và đánh giá thông qua các phương pháp đánh giá phù hợp.

3. Không sử dụng các động từ hoặc cụm từ mang tính khái quát, khó quan sát và khó đánh giá trực tiếp kết quả học tập của người học như: biết, hiểu, nắm được, có kiến thức về, có khả năng, làm quen, tiếp cận, nhận thức, quen thuộc với, học được.

4. Mỗi chuẩn đầu ra ưu tiên sử dụng 01 động từ hành động chính phản ánh một năng lực cốt lõi. Đối với chuẩn đầu ra mang tính tích hợp hoặc tổng hợp nhiều khía cạnh (như khối kiến thức chung, chính trị, pháp luật, đạo đức nghề nghiệp), có thể sử dụng từ 01 đến 02 động từ hành động chính để thể hiện trọn vẹn yêu cầu năng lực nhưng phải bảo đảm câu văn rõ ràng và có thể đo lường, đánh giá được

Mỗi chuẩn đầu ra chỉ nên sử dụng một động từ hành động chính, phản ánh một năng lực cốt lõi; hạn chế ghép nhiều năng lực trong cùng một chuẩn đầu ra.

5. Trường hợp chuẩn đầu ra phản ánh năng lực tổng hợp, nên lựa chọn một động từ hành động chính kết hợp với đối tượng, phạm vi hoặc bối cảnh thực hiện nhằm bảo đảm chuẩn đầu ra rõ ràng, thống nhất và thuận lợi cho việc thiết kế hoạt động dạy học, đánh giá và đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra.

6. Các chuẩn đầu ra phải được xây dựng theo trình tự logic, bảo đảm bao quát đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm, đồng thời phù hợp với trình độ đào tạo theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

7. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phải bảo đảm sự thống nhất với triết lý giáo dục, mục tiêu chương trình đào tạo (PEOs), được cụ thể hóa thông qua chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và được thể hiện trong các ma trận đối sánh quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

8. Danh mục động từ trong Phụ lục này được tổng hợp, chọn lọc và biên soạn trên cơ sở tham khảo các thang phân loại mục tiêu giáo dục của Bloom (1956; Anderson & Krathwohl, 2001), phân loại lĩnh vực cảm xúc của Krathwohl và cộng sự (1964), phân loại kỹ năng vận động của Dave (1970), đồng thời tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam và định hướng xây dựng chuẩn đầu ra theo tiếp cận năng lực của AUN-QA Version 4.0 (2020). Danh mục này chỉ có giá trị hướng dẫn trong việc lựa chọn động từ khi xây dựng và diễn đạt chuẩn đầu ra, không thay thế các quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, L. W., & Krathwohl, D. R. (Eds.). (2001). *A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives*. New York: Longman.

2. ASEAN University Network. (2020). *Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level Version 4.0*. Bangkok: ASEAN University Network.

3. Bloom, B. S. (Ed.). (1956). *Taxonomy of Educational Objectives: Handbook I: Cognitive Domain*. New York: David McKay.

4. Dave, R. H. (1970). *Psychomotor Levels*. In R. J. Armstrong (Ed.), *Developing and Writing Behavioral Objectives*. Tucson, AZ: Educational Innovators Press. *(Được trích dẫn lại trong các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra).*

5. Krathwohl, D. R., Bloom, B. S., & Masia, B. B. (1964). *Taxonomy of Educational Objectives: Handbook II: Affective Domain*. New York: David McKay.

6. Thủ tướng Chính phủ. (2026). *Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 ban hành Quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam.*

7. Thủ tướng Chính phủ. (2026). *Quyết định số 38/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 quy định về Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.*

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). *Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). *Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.*

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). *Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.*

PHỤ LỤC II

Mẫu Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1459/QĐ-TĐHTPHCM ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ...

Tên ngành: ..... (theo đúng tên trên bằng tốt nghiệp)

(Tên ngành tiếng Anh: .....)

Mã ngành: .....

Trình độ đào tạo: ..... Loại hình đào tạo: .....

Thời gian đào tạo: .... Tên văn bằng tốt nghiệp: ...

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Programme Educational Objectives - PEOs)

1.1. Mục tiêu chung

Nêu mục tiêu tổng quát của chương trình đào tạo, thể hiện định hướng đào tạo của ngành; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển của Trường; đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo (nếu có), nhu cầu của xã hội và các bên liên quan.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể là các kết quả nghề nghiệp, năng lực và phẩm chất mà người học được kỳ vọng đạt được sau một thời gian kể từ khi tốt nghiệp. Mỗi mục tiêu cần được diễn đạt rõ ràng, phù hợp với mục tiêu chung của chương trình đào tạo và là cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Số lượng mục tiêu chương trình đào tạo được mã hóa liên tục từ PEO1 đến PEOn. Khuyến nghị như sau:

- Đối với chương trình đào tạo đại học, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 6: **03 đến 05 PEOs;**

- Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 7, chương trình đào tạo tiến sĩ được xếp bậc 8: **03 đến 04 PEOs.**

Mã PEO	Nội dung mục tiêu chương trình đào tạo
PEO1	.....
PEO2	.....

PEO3	.....
...	

II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Programme Learning Outcomes - PLOs)

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về **kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm** mà người học phải đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo.

- Số lượng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) được mã hóa liên tục từ PLO1 đến PLOn. Khuyến nghị như sau:

+ Đối với chương trình đào tạo đại học, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 6: **10 đến 15 PLOs**

+ Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 7, chương trình đào tạo tiến sĩ được xếp bậc 8: **08 đến 12 PLOs**;

- Mức năng lực (NL):

+ Kiến thức (K – Knowledge)

+ Kỹ năng (S – Skills)-

+ Mức tự chủ và trách nhiệm (AR- Autonomy and Responsibility)

- Mức độ đóng góp:

Ký hiệu	Ý nghĩa
H	Mức độ đóng góp cao (High)
M	Mức độ đóng góp trung bình (Medium)
L	Mức độ đóng góp thấp (Low)
Để trống	Không có mối liên hệ (-)

- Gợi ý:

+ Mỗi PEO phải được cụ thể hóa thông qua ít nhất một PLO.

+ Mỗi PLO phải đóng góp vào việc thực hiện ít nhất một PEO.

+ PLO đối với các học phần ánh xạ gồm toàn bộ khối Lý luận chính trị, Pháp luật đại cương, Đạo đức nghề nghiệp gợi ý viết:

"Vận dụng thế giới quan duy vật biện chứng, kiến thức pháp luật và nền tảng chính trị - xã hội vào hoạt động nghề nghiệp; thực hiện nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và ý thức phụng sự cộng đồng"

2.1. Kiến thức:

- Chương trình đào tạo đại học, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 6: **03 đến 05 PLOs**

- Chương trình đào tạo thạc sĩ, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 7, chương trình đào tạo tiến sĩ được xếp bậc 8: **02-03 PLOs**

Mã PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức NL	PEO liên quan	Mức đóng góp vào PEO
PLO1				
PLO2				
PLO…				

2.2. Kỹ năng:

- Chương trình đào tạo đại học, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 6: **05 đến 07 PLOs**

- Chương trình đào tạo thạc sĩ, chương trình đào tạo chuyên sâu được xếp bậc 7, chương trình đào tạo tiến sĩ được xếp bậc 8: **04 đến 06 PLOs**

Mã PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức NL	PEO liên quan	Mức đóng góp vào PEO
Kỹ năng chung của trường				
PLO..	Đạt chuẩn đầu ra về tiếng Anh và công nghệ thông tin theo quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.			
PLO..				
….				

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ: 02 đến 03 PLOs

Mã PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức NL	PEO liên quan	Mức đóng góp vào PEO
PLO..				
PLO..				

III. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP VÀ KHẢ NĂNG ĐẢM NHIỆM

Nêu các vị trí việc làm phù hợp với trình độ đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

.....

.....

.....

.....

.....

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Nêu khả năng học tập của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm:

- Tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn theo quy định hiện hành;
- Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tự học, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

V. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHUẨN ĐẦU RA

Nêu các căn cứ chủ yếu được sử dụng trong quá trình xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, bao gồm:

1. Quy định của pháp luật về giáo dục đại học.
2. Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
3. Chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (nếu có).
4. Chuẩn nghề nghiệp hoặc tiêu chuẩn nghề nghiệp của lĩnh vực đào tạo (nếu có).
5. Chiến lược phát triển của Trường.
6. Kết quả khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan.
7. Kết quả đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước.
8. Các tài liệu chuyên môn có liên quan.
9. Khung năng lực số cho người học; Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam và các quy định chuyên ngành có liên quan (nếu áp dụng).

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TÀI LIỆU, CHUẨN ĐẦU RA TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ ĐÃ THAM KHẢO:

.....

.....

.....

.....

VI. MẪU MA TRẬN:

Đối sánh giữa triết lý giáo dục của trường và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mã PLO	Giáo dục toàn diện	Phát triển bền vững	Hội nhập quốc tế
PLO1			
PLO2			
….			

Đối sánh giữa học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Course Mapping Matrix)

(Sử dụng khi rà soát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo)

H: Học phần đóng góp ở mức cao

M: Học phần đóng góp ở mức trung bình

L: Học phần đóng góp ở mức thấp

STT	Mã HP	Tên học phần	Bắt buộc/ Tự chọn	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO…
1								
2								
…								

Yêu cầu

Mỗi học phần phải đóng góp vào việc hình thành và phát triển một hoặc nhiều PLO.

Mỗi PLO phải được hỗ trợ bởi một hoặc nhiều học phần.

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm .....

TRƯỞNG KHOA

TỔ TRƯỞNG TỔ XÂY DỰNG/RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG

(Thông qua)

PHỤ LỤC III

Biểu mẫu phục vụ xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1459/QĐ-TĐHTPHCM ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

1. Mục đích

Phụ lục này quy định hệ thống biểu mẫu thống nhất sử dụng trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo nhằm bảo đảm tính thống nhất trong toàn Trường, phục vụ công tác quản lý đào tạo, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Danh mục biểu mẫu

STT	Mã biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Đơn vị/ cá nhân chủ trì	Thời điểm/ Trình tự sử dụng
1	BM-CĐR-01	Kế hoạch xây dựng, rà soát, cập nhật hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT	Khoa	Lập trước khi triển khai thực hiện các công việc xây dựng/rà soát CĐR.
2	BM-CĐR-02	Phiếu lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra CTĐT	Khoa	Phát khảo sát Doanh nghiệp, Giảng viên, Sinh viên, Cựu sinh viên... sau khi có dự thảo ban đầu.
3	BM-CĐR-03	Báo cáo khảo sát, đối sánh và phân tích căn cứ xây dựng chuẩn đầu ra	Khoa	Tổng hợp, xử lý số liệu thu hồi từ Phiếu BM-02 và phân tích đối sánh với các trường bạn.
4	BM-CĐR-04	Báo cáo tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý	Khoa	Lập sau khi kết thúc đợt lấy ý kiến để tổng hợp, tiếp thu/giải trình ý kiến của các bên.
5	BM-CĐR-05	Bảng đối sánh nội dung điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT	Khoa	So sánh CĐR cũ với CĐR mới (dành cho trường hợp điều chỉnh).
6	BM-CĐR-06	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa	Khoa	Họp thông qua toàn bộ hồ sơ CĐR tại cấp Khoa sau

				khi đã hoàn thiện các Báo cáo 03, 04, 05.
7	BM-CĐR-07	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	Thư ký HĐKH&ĐT Trường	Họp thẩm định cấp Trường

3. Quy định sử dụng biểu mẫu

1. Các biểu mẫu quy định tại Phụ lục này được sử dụng thống nhất trong toàn Trường khi thực hiện xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh và ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

2. Các đơn vị được phép bổ sung các thông tin đặc thù của chương trình đào tạo nhưng không được thay đổi nội dung, mục đích và cấu trúc cơ bản của biểu mẫu.

3. Các biểu mẫu phải được lập đầy đủ, chính xác, có xác nhận của cá nhân và đơn vị có thẩm quyền theo quy định; được lưu trữ cùng hồ sơ xây dựng, rà soát hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

4. Hồ sơ và các biểu mẫu là minh chứng phục vụ công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục, thanh tra, kiểm tra và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

BM-CĐR-01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH-KHOA….

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

KẾ HOẠCH

Xây dựng, rà soát, cập nhật hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chương trình đào tạo: .....
2. Mã ngành: .....
3. Trình độ đào tạo: .....
4. Đơn vị chủ trì: .....
5. Nội dung thực hiện:

☐ Xây dựng mới

☐ Rà soát định kỳ

☐ Cập nhật

☐ Điều chỉnh

6. Thời gian thực hiện:

Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng, rà soát, cập nhật hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo quy định hiện hành.

Bảo đảm chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, định hướng phát triển của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan.

2. Yêu cầu

Thực hiện đúng quy trình, đúng tiến độ.

Có sự tham gia của các bên liên quan.

Hồ sơ đầy đủ theo quy định.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Thời gian hoàn thành
1				

2				
3				

IV. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến	Đơn vị/Cá nhân thực hiện	Sản phẩm
1	Nghiên cứu căn cứ, đối sánh và xây dựng/điều chỉnh Dự thảo chuẩn đầu *(Dự thảo 1)*	Theo Kế hoạch của Khoa	Nhóm/tổ thực hiện	Dự thảo CĐR theo Phụ lục II
2	Lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra CTĐT *(gửi kèm Dự thảo 1)*	Theo Kế hoạch của Khoa	Khoa	Phiếu lấy ý kiến các bên liên quan (BM-CĐR-02)
3	Thu thập, tổng hợp thông tin khảo sát, phân tích và đối sánh căn cứ xây dựng CĐR	Theo Kế hoạch của Khoa	Khoa	Báo cáo khảo sát, đối sánh và phân tích căn cứ xây dựng CĐR (BM-CĐR-03)
4	Tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý *(hoàn thiện Dự thảo CĐR)*	Sau khi kết thúc lấy ý kiến	Khoa	Báo cáo tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý (BM-CĐR-04)
5	Đối chiếu nội dung điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT *(đối với trường hợp có điều chỉnh)*	Sau khi tổng hợp, giải trình và tiếp thu	Khoa	Bảng đối chiếu nội dung điều chỉnh CĐR CTĐT (BM-CĐR-05)
6	Họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa	Sau khi hoàn thiện hồ sơ	Hội đồng KH&ĐT cấp Khoa	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa (BM-CĐR-06)
7	Gửi hồ sơ đề nghị thẩm định cấp Trường	Sau khi HĐ KH&ĐT cấp Khoa thông qua	Khoa	Hồ sơ CĐR gửi HĐ KH&ĐT Trường gồm: Dự thảo CĐR; BM-CĐR-02; BM-CĐR-03;

				BM-CĐR-04; BM-CĐR-05; BM-CĐR-06
8	Họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	Sau khi hoàn thành thẩm định	Hội đồng KH&ĐT Trường	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường (BM-CĐR-07)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Khoa chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch này; chịu trách nhiệm về nội dung xây dựng, rà soát, cập nhật hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

2. Các cá nhân được phân công có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo Kế hoạch.

3. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì thẩm định hồ sơ xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Nhà trường.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Khoa kịp thời báo cáo Hiệu trưởng (thông qua Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng) để xem xét, giải quyết.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH **TRƯỞNG KHOA**

BM-CĐR-02

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Về xây dựng, rà soát hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chương trình đào tạo: .....

2. Mã ngành: .....

3. Trình độ đào tạo:.....

4. Đơn vị thực hiện: .....

5. Nội dung lấy ý kiến

☐ Xây dựng mới chuẩn đầu ra

☐ Rà soát định kỳ chuẩn đầu ra

☐ Điều chỉnh chuẩn đầu ra

6. Thời gian lấy ý kiến: .....

II. THÔNG TIN NGƯỜI GÓP Ý

Họ và tên (không bắt buộc): .....

Đơn vị/Cơ quan: .....

Chức vụ (nếu có): .....

Đối tượng

☐ Người học

☐ Cựu người học

☐ Giảng viên / Cán bộ quản lý chuyên môn

☐ Người sử dụng lao động - Khối Doanh nghiệp (Tư nhân, Cổ phần, FDI...)

☐ Người sử dụng lao động - Khối Cơ quan nhà nước / Đơn vị sự nghiệp công lập (Bộ, Sở, Cục, Viện...)

☐ Hiệp hội nghề nghiệp / Chuyên gia

☐ Khác: .....

III. ĐÁNH GIÁ

Thang đánh giá

Mức	Ý nghĩa
1	Hoàn toàn không đồng ý
2	Không đồng ý
3	Phân vân/Không có ý kiến

4	Đồng ý
5	Hoàn toàn đồng ý

1. Đánh giá về mục tiêu chương trình đào tạo (Programme Educational Objectives - PEOs)

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ phù hợp				
		1	2	3	4	5
1	Mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường.	☐	☐	☐	☐	☐
2	Mục tiêu chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	☐	☐	☐	☐	☐
3	Mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của ngành nghề.	☐	☐	☐	☐	☐
4	Mục tiêu chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển nghề nghiệp.	☐	☐	☐	☐	☐

2. Đánh giá về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Programme Learning Outcomes - PLOs)

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ phù hợp				
		1	2	3	4	5
1	Chuẩn đầu ra về kiến thức phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo.	☐	☐	☐	☐	☐
2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.	☐	☐	☐	☐	☐
3	Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm đáp ứng yêu cầu công việc.	☐	☐	☐	☐	☐
4	Chuẩn đầu ra có tính khả thi và có thể đánh giá được.	☐	☐	☐	☐	☐
5	Chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.	☐	☐	☐	☐	☐
6	Chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định hiện hành.	☐	☐	☐	☐	☐

3. Đánh giá từng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

STT	Chuẩn đầu ra	Mức độ phù hợp (1–5)					Kiến nghị điều chỉnh (nếu có)
		1	2	3	4	5	
1	PLO1	☐	☐	☐	☐	☐	
2	PLO2	☐	☐	☐	☐	☐	
3	PLO3	☐	☐	☐	☐	☐	
	…….						

(Khoa/Bộ môn bổ sung số lượng PLOs phù hợp với từng chương trình đào tạo.)

IV. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

1. Nội dung cần bổ sung

……

……

2. Nội dung cần điều chỉnh

……

……

3. Các góp ý khác

……

……

V. KẾT LUẬN

Những ý kiến đóng góp từ các bên liên quan sẽ được Khoa/Bộ môn tổng hợp, phân tích, giải trình và tiếp thu (nếu phù hợp) để hoàn thiện chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Ông/Bà đã dành thời gian đóng góp ý kiến!

BM-CĐR-03

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-KHOA….

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

BÁO CÁO

Khảo sát, đối sánh và phân tích căn cứ xây dựng chuẩn đầu ra

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chương trình đào tạo
2. Mã ngành
3. Trình độ
4. Đơn vị

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Liệt kê:

- Luật
- Thông tư
- Quy định Trường
- Khung trình độ quốc gia
- Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có)

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN

STT	Đối tượng lấy ý kiến	Hình thức lấy ý kiến	Số lượng	Tóm tắt ý kiến góp ý
1	Người học			
2	Cựu người học			
3	Giảng viên / Cán bộ quản lý chuyên môn			
4	Người sử dụng lao động - Khối Doanh nghiệp *(Tư nhân, Cổ phần, FDI...)*			
5	Người sử dụng lao động - Khối Cơ quan nhà nước / Đơn vị sự nghiệp công lập *(Bộ, Sở, Cục, Viện...)*			

6	Hiệp hội nghề nghiệp / Chuyên gia			
7	Khác			

IV. KẾT QUẢ ĐỐI SÁNH

1. Trong nước

STT	Trường	Nội dung đối sánh	Nhận xét
1			
2			
…			

2. Quốc tế

STT	Trường	Nội dung đối sánh	Nhận xét
1			
2			
…			

3. Chuẩn nghề nghiệp (nếu có)

V. ĐỀ XUẤT

- Đề xuất mục tiêu CTĐT :
- Đề xuất PLOs:
- Đề xuất điều chỉnh:
- …..

NGƯỜI LẬP **TRƯỞNG KHOA**

BM-CĐR-04

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-KHOA….

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

BÁO CÁO TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH VÀ TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý

Về xây dựng, rà soát hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chương trình đào tạo: .....

2. Mã ngành: .....

3. Trình độ đào tạo: .....

4. Đơn vị chủ trì: .....

5. Nội dung thực hiện

☐ Xây dựng mới

☐ Rà soát định kỳ

☐ Điều chỉnh

II. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra.
- Quy định về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Trường.
- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo.
- Kết quả khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan.
- Các căn cứ khác (nếu có).

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý

STT	Đối tượng góp ý	Hình thức lấy ý kiến	Số lượng ý kiến
1	Giảng viên		
2	Người học		
3	Cựu người học		
4	Người sử dụng lao động		
5	Doanh nghiệp		
6	Cơ quan quản lý nhà nước		
7	Hiệp hội nghề nghiệp		

8	Khác		

IV. GIẢI TRÌNH VÀ TIẾP THU

STT	Nội dung góp ý	Đơn vị/Cá nhân góp ý	Tiếp thu	Giải trình
1			☐ Có ☐ Không	
2			☐ Có ☐ Không	
3			☐ Có ☐ Không	
...				

V. KẾT QUẢ HOÀN THIỆN

Sau khi nghiên cứu, tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan, Khoa/Bộ môn đã:

☐ Hoàn thiện mục tiêu chương trình đào tạo (PEOs).

☐ Hoàn thiện chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs).

☐ Hoàn thiện các hồ sơ liên quan.

VI. KIẾN NGHỊ

Khoa … kính đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thông qua để trình Hiệu trưởng ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo quy định.

NGƯỜI LẬP **TRƯỞNG KHOA**

BM-CĐR-05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐS-KHOA….

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

BẢNG ĐỐI SÁNH NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình đào tạo: .....

Mã ngành: .....

Trình độ đào tạo: .....

Đơn vị: .....

Lần điều chỉnh: .....

Ngày thực hiện: .....

II. CĂN CỨ ĐIỀU CHỈNH

☐ Quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

☐ Thay đổi Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

☐ Kết quả khảo sát các bên liên quan.

☐ Kết quả đánh giá chương trình đào tạo.

☐ Khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài.

☐ Yêu cầu của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

☐ Điều chỉnh chương trình đào tạo.

☐ Khác:

.....

III. BẢNG ĐỐI CHIẾU

STT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh	Tài liệu cập nhật
1				
2				
3				

Ghi chú: Các nội dung điều chỉnh phải được cập nhật tương ứng vào các ma trận đối sánh quy định tại Phụ lục II (nếu có thay đổi) và các đề cương học phần liên quan.

IV. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Nội dung	Có	Không	Ghi chú
Làm thay đổi mục tiêu chương trình đào tạo (PEOs)	☐	☐	
Làm thay đổi chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	☐	☐	
Làm thay đổi ma trận PEOs–PLOs	☐	☐	
Làm thay đổi chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	☐	☐	
Làm thay đổi chương trình đào tạo	☐	☐	
Làm thay đổi đề cương học phần	☐	☐	
.....			

V. KẾT LUẬN

Khoa xác nhận các nội dung điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đã được rà soát, giải trình đầy đủ, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành và là cơ sở để cập nhật chương trình đào tạo, đề cương học phần và các hoạt động bảo đảm chất lượng.

NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

BM-CĐR-06

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BB-KHOA….

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa

Về xây dựng, rà soát hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

I. Thời gian, địa điểm

1. Thời gian: .....
2. Địa điểm: .....

II. Thành phần tham dự

1. Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ trong Hội đồng	Ký tên
1				
2				
3				

Tổng số thành viên: .....

Có mặt: .....

Vắng mặt: ..... (ghi rõ lý do nếu có)

2. Đại biểu tham dự (nếu có)

STT	Họ và tên	Đơn vị/Cơ quan
1		
2		

III. Nội dung cuộc họp

1. Báo cáo của Khoa

Đại diện Khoa trình bày:

- Căn cứ xây dựng, rà soát hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.
- Kết quả khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan.
- Nội dung xây dựng mới hoặc các nội dung đề nghị điều chỉnh.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý (nếu có).

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng

STT	Họ và tên	Nội dung ý kiến
1		
2		
3		

3. Kết quả thảo luận

Hội đồng thống nhất các nội dung sau:

.....

Các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có):

.....

IV. Kết quả biểu quyết

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng số thành viên Hội đồng		
Số thành viên tham gia biểu quyết		
Đồng ý		
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

Kết luận:

☐ Thống nhất thông qua dự thảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

☐ Thống nhất thông qua dự thảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sau rà soát, cập nhật hoặc điều chỉnh.

☐ Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung dự thảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trước khi trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét.

V. Kiến nghị

Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa đề nghị:

☐ Trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thẩm định.

☐ Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng.

☐ Nội dung khác:

.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....

Biên bản được lập thành **02 bản** có giá trị như nhau:

01 bản lưu tại Khoa.

01 bản gửi Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để tổng hợp, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

VI. Hồ sơ kèm theo

Kèm theo Biên bản này gồm:

1. Dự thảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các ma trận đối sánh theo quy định tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Quy định này.

2. Báo cáo khảo sát, đối sánh và căn cứ xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (BM-CĐR-07).

3. Báo cáo tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý (BM-CĐR-05).

4. Phiếu lấy ý kiến các bên liên quan và kết quả tổng hợp (BM-CĐR-02).

5. Bảng đối chiếu nội dung điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (BM-CĐR-06) *(áp dụng đối với trường hợp rà soát, điều chỉnh)*.

6. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

THƯ KÝ	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	(Ký, ghi rõ họ và tên)

BM-CĐR-07

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BB-KHOA….

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường

Về xem xét, thông qua chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

I. Thời gian, địa điểm

1. Thời gian: .....

2. Địa điểm: .....

II. Thành phần tham dự

1. Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ trong Hội đồng	Ký tên
1				
2				
3				

Tổng số thành viên: .....

Có mặt: .....

Vắng mặt: ..... (ghi rõ lý do nếu có)

2. Đại biểu tham dự (nếu có)

STT	Họ và tên	Đơn vị
1		
2		
3		

III. Nội dung cuộc họp

1. Báo cáo hồ sơ trình Hội đồng

Hội đồng nghe đại diện đơn vị được giao trình hồ sơ báo cáo về:

- Căn cứ xây dựng, rà soát hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.
- Quá trình tổ chức xây dựng, lấy ý kiến các bên liên quan và hoàn thiện hồ sơ.

- Kết quả họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa.

- Nội dung dự thảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình Hội đồng xem xét, thông qua.

- Những nội dung thay đổi (nếu là điều chỉnh).

2. Ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng

STT	Họ và tên	Nội dung góp ý
1		
2		
3		

3. Kết quả thảo luận

Hội đồng thống nhất:

.....

Các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có):

.....

IV. Nội dung xem xét của Hội đồng

Sau khi xem xét hồ sơ và thảo luận, Hội đồng thống nhất như sau:

Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Ghi chú
Hồ sơ đầy đủ theo quy định	☐	☐	
Mục tiêu chương trình đào tạo (PEOs) phù hợp	☐	☐	
Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) phù hợp	☐	☐	
Có tham vấn đầy đủ các bên liên quan	☐	☐	
Bảo đảm tính logic giữa PEOs và PLOs	☐	☐	
Phù hợp Khung trình độ quốc gia Việt Nam, quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường	☐	☐	
Có khả năng triển khai trong chương trình đào tạo	☐	☐	

V. Kết quả biểu quyết

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng số thành viên Hội đồng		
Số thành viên tham gia biểu quyết		
Đồng ý		
Không đồng ý		
Không biểu quyết		

VI. Kết luận của Hội đồng

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thống nhất:

☐ Thông qua chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và đề nghị Hiệu trưởng ban hành.

☐ Thông qua có điều kiện; đề nghị đơn vị chủ trì tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng trước khi trình Hiệu trưởng ban hành.

☐ Chưa thông qua; đề nghị đơn vị chủ trì tiếp tục rà soát, chỉnh sửa và trình Hội đồng xem xét lại.

VII. Kiến nghị

Hội đồng đề nghị:

.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc …… giờ …… phút, ngày …… tháng …… năm ……

Biên bản được lập thành **03 bản** có giá trị pháp lý như nhau:

01 bản lưu tại Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

01 bản lưu tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

01 bản gửi Khoa/Bộ môn để thực hiện.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**